TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/KDTM-ST
Ngày 29/4/2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Lơ.

Ông Nguyễn Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2026/TLST-KDTM ngày 02 tháng 3 năm 2026, về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2026/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH A**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đoàn Tấn Q** – Tổng Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A Đường P, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Đình S**, sinh ngày 16/11/1986; Địa chỉ liên lạc và nhận thư: Số I Đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 25/2026/GUQ-ADC ngày 20/01/2026 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH V.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Hùng H**, Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A Đường N, khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2026, các tài liệu và chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn có ông Nguyễn Đình S là đại diện trình bày và yêu cầu như sau:

Công ty TNHH A (gọi tắt là Công ty A) là bên bán có ký với Công ty TNHH V (gọi tắt là Công ty V) là Bên mua, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 292/2025/HDMBKG-VTNN ngày 25/06/2025. Theo Hợp đồng mua bán này, Công ty A sẽ bán các sản phẩm vật tư nông nghiệp (bao gồm phân bón và thuốc bảo vệ thực vật) các loại cho bên mua. Hình thức mua bán giữa hai bên có ký hợp đồng mua bán theo phương thức giao hàng trước và trả tiền sau, có tính lãi chậm trả nếu chậm thanh toán. Số lượng, chủng loại, thời gian, địa điểm giao hàng, thời hạn, phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ mỗi bên được hai bên thỏa thuận theo nội dung quy định trong Hợp đồng mua bán này. Khi có nhu cầu mua hàng thì Bên mua sẽ điện thoại hoặc thông qua nhân viên kinh doanh của bên bán để đặt hàng về công ty A. Hàng hóa được Công ty A vận chuyển và giao đến tại kho của bên mua. Bên mua sau khi nhận hàng sẽ thanh toán cho bên bán bằng chuyển khoản hoặc nhân viên kinh doanh của bên mua đến thu tiền mặt trực tiếp. Nếu bên mua không thanh toán sẽ bị tính lãi chậm thanh toán, mức lãi suất chậm thanh toán được hai bên thỏa thuận tại khoản 3.3.2 Điều 3 của Hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên là 1,2%/tháng (1 tháng = 30 ngày).

Quá trình mua bản, công ty A đã giao hàng hóa đầy đủ cho bên mua nhưng phía bên mua không tiến hành thanh toán dẫn đến công nợ quá hạn. Để làm cơ sở cho việc thanh toán, hai bên đối chiếu số liệu nợ thông qua Sổ chi tiết đơn vị mua đến ngày 30/09/2025 xác nhận của hai bên, bên mua còn chưa thanh toán cho bên bán số tiền 1.242.439.997 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, Công ty đã nhiều lần liên lạc, yêu cầu bên mua thanh toán nhưng bên mua viện nhiều lý do khác nhau nhằm trì hoãn việc trả nợ và không chịu trả, hợp tác. Công ty TNHH A đã phát hành thông báo yêu cầu trả nợ và thông báo khởi kiện gửi qua bưu điện cho bên mua nhưng họ không có phản hồi lại. Do đó, Công ty A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc CÔNG TY TNHH V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền gốc 1.242.439.997 đồng và tiền chậm thanh toán tính từ sau ngày ký đối chiếu nợ cho đến ngày tòa án xét xử. Theo quy định hợp đồng mua bán, lãi suất chậm thanh toán áp dụng do hai bên thỏa thuận theo mức 1,2%/tháng. Tiền lãi tạm tính từ ngày 01/10/2025 đến ngày xét xử là 208 ngày trên số tiền 1.242.439.997 đồng là: 103.371.006 đồng.

- Bị đơn Công ty TNHH V, người đại diện ông Trần Hùng H vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Công ty TNHH A khởi kiện CÔNG TY TNHH V yêu cầu thanh toán tiền mua hàng hóa là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại phường N, thành phố Cần Thơ nên quan hệ tranh chấp và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được tống đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai và đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đại diện bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Công ty TNHH A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc CÔNG TY TNHH V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền gốc 1.242.439.997 đồng và lãi chậm thanh toán từ ngày 01/10/2025. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Công ty TNHH A giao nộp bản chứng thực bản sao đúng với bản chính Hợp đồng mua bán hàng hóa số 292/2025/HDMBKG-VTNN ngày 125/06/2025 và bản chính Sổ chi tiết đơn vị mua, thời gian từ ngày 01/4/2025 đến ngày 30/9/2025 có xác nhận của Công ty TNHH V số nợ cuối kỳ 1.242.439.997 đồng. Bị đơn Công ty TNHH V đã được Tòa án thông báo cho biết việc nguyên đơn khởi kiện, nội dung yêu cầu, các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn giao nộp, được triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được triệu tập xét xử nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã từ bỏ quyền chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, nguyên đơn Công ty TNHH A yêu cầu Công ty TNHH V trả số tiền nợ 1.242.439.997 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Tại Điều 306 Luật thương mại quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*. Theo quy định các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán, đối với Công ty TNHH A và Công ty TNHH V khi giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa có thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán 1,2%/tháng (⇔14,4%/năm) là thực hiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật thương mại, khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Xét về thời gian, số tiền lãi mà Công ty TNHH A yêu cầu 103.371.006 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, bị đơn Công ty TNHH V phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại; Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A.

Buộc Công ty TNHH V phải hoàn trả cho Công ty TNHH A số tiền là 1.345.811.003 đồng (một tỷ, ba trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm mười một nghìn, không trăm lẽ ba đồng), gồm: vốn 1.242.439.997 đồng và lãi 103.371.006 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán hàng hóa số 292/2025/HDMBKG-VTNN ngày 125/06/2025 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH V phải chịu là 52.374.330 đồng (năm mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm ba mươi đồng).

- Hoàn trả cho Công ty TNHH A tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.457.000 đồng (hai mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003821 ngày 02/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh Mai